



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.02234

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận
sản phẩm dùng làm nguyên liệu cho thức ăn chăn nuôi và thủy sản:**

Tên sản phẩm : Fish Soluble Paste (Dịch Chiết Đạm Cá)
Số lượng/ khối lượng : 05 Containers/ 105.000 kg
Ngày sản xuất : 01/2025.
Hãng, nước sản xuất : Bawa Fishmeal & Oil Co, India
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 01/Masi-ISTO2025 ngày 20/3/2025
Hóa đơn số : BF/EXP/003 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : MEDUJB386053
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3655/HQ-GDK-TTKN ngày 15/5/2025
Mã hồ sơ : BNNPTNT29250035626
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ MASI**
Địa chỉ: Tầng 7, TTTM Giga Mall, 240-242 Phạm
Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và
Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021
: QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 1082 /QĐ-TTKN

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thanh Tùng



BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	MÃ SỐ MẪU	QUY CHUẨN ÁP DỤNG	TÊN SẢN PHẨM/CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	GHI CHÚ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT MASI 06/06/2025	0625061/HQV2	Số thứ tự 3, Mục I Phụ lục I, QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT Sản phẩm sử dụng cho 2 mục đích (nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi)	FISH SOLUBLE PASTE (Dịch Chiết Đạm Cá) Protein thô (%) Asen (As) tổng số (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Ethoxyquin (mg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella spp (CFU/g)	BNNPTNT 29250035626

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Phạm Hồng Quân

2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

Gửi mẫu			Phòng thử nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ giờ, ngày .../.../....)		
Bùi Trọng Đoàn	ASTAC 2	17h30 ngày 06/06/2025	ASTAC 1	





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: astac.mk@gmail.com



LAS-NN

94

PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 1862/2025

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/ Address: 135A, Pasteur, P. Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại/Tel: 0964122045. - Email: ttnknphianam@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information ☐ Có/Yes; ☐ Không/No:

Tên / Name:

Địa chỉ/ Address:

Mã số thuế/ Tax code:

E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (TTVI ghi cột này/TTVI writes this column)
1	0625061/HQV2	Sản phẩm sử dụng cho 2 mục đích (nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi)	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Protein thô (%) Asen (As) tổng số (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Ethoxyquin (mg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella spp (CFU/g)	Số thứ tự 3, Mục I Phụ lục I, QCVN 01-190:2020/BNNPTNT Sản phẩm sử dụng cho 2 mục đích (nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi)	

c. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose:

☒ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other:

Trà kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☒ Email (bản ký số/digital signature)

Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐

Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☒ Không/No

Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):

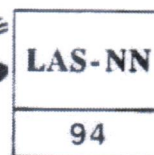
Người gửi mẫu/
Customer

Phạm Hồng Quân



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: astac.mk@gmail.com



2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ *ASTAC VERIFICATION*

Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i> :..... <u>sh 9/6/2025</u>	Người nhận mẫu/ Recipient  <i>Nguyễn Ngọc Anh</i>
Ngày dự kiến trả kết quả / <i>Expected date of issue</i> : <u>13/6/2025</u>	
Tình trạng bao gói mẫu/ <i>Sample packaging condition</i> : ☒ Nguyên vẹn/ <i>Intact</i> ; ☐ Không nguyên vẹn/ <i>Not Intact</i>	
Nhiệt độ bảo quản mẫu/ <i>Sample storage temperature</i> : ☒ Môi trường/ <i>Environmental</i> ; ☐ Lạnh/ <i>cold</i> ; ☐ Đông lạnh/ <i>Frozen</i>	
Ghi chú/ <i>note</i> :	

Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột “Mã số mẫu/ *Sample code*”, Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ *Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.*
- Quý khách hàng yêu cầu phương pháp cụ thể thì ghi ký hiệu phương pháp vào cột “Phương pháp thử”, trong trường hợp khách hàng không yêu cầu Trung tâm sẽ sử dụng phương pháp phù hợp để phân tích/ *If the customer requires a specific method, please write the method symbol in the "Test method" column. If the customer does not request, ASTAC will use the appropriate method for analysis.*
- Trung tâm cam kết bảo mật thông tin của khách hàng, ngoại trừ việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam/ *ASTAC is committed to keeping customer information confidential, except in compliance with the provisions of Vietnamese law.*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 6398/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản và chăn nuôi

Mã số mẫu/Sample code : 18622506391

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 09/06/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0625061/HQV2	Protein thô (*)(**)	%	41,3	TCVN 4328-2:2011
	Asen (As) tổng số	mg/kg (LOQ=0,15)	0,39	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,72	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 12/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.